

Số: *167* /KH-UBND

Hà Giang, ngày *26* tháng *10* năm *2015*

## **KẾ HOẠCH**

**Ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước  
tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016-2020.**

### **CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH.**

Căn cứ Luật công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin (*sau đây gọi tắt là CNTT*) trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2016 - 2020; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Văn bản số 2634/BTTTT-THH ngày 17/8/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT giai đoạn 2016-2020.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016 - 2020 cụ thể như sau:

## **I. HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TỈNH HÀ GIANG.**

### **1. Môi trường pháp lý.**

Nhằm phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về lĩnh vực công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong tình hình mới. Trong thời gian vừa qua, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành và triển khai các Nghị quyết, kế hoạch, đề án, chính sách... để phát triển và ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh. Cụ thể:

- Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 30/12/2013 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin tỉnh Hà Giang đến năm 2015, định hướng đến năm 2020.

- Chương trình số 138-CTr/TU ngày 20/4/2015 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

- Nghị quyết số 139/2014/NQ-HĐND ngày 30/9/2014 về việc ban hành chính sách đặc thù hỗ trợ công chức, viên chức chuyên trách CNTT trong các cơ quan Đảng, Mặt trận tổ quốc, các tổ chức đoàn thể, cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

- Chương trình hành động số 59/CTr-UBND ngày 08/04/2014 của UBND tỉnh Hà Giang về việc thực hiện nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 30/12/2013 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển ứng dụng CNTT đến năm 2015, định hướng đến năm 2020;

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2011 - 2015; phê duyệt Đề án ứng dụng CNTT giai đoạn 2013-2015; Kế hoạch triển khai Đề án “đưa Việt Nam sớm trở thành quốc gia mạnh về CNTT và Truyền thông” tỉnh Hà Giang giai đoạn 2011-2015; các Kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm; Kế hoạch triển khai ứng dụng chữ ký số trong hoạt động các cơ quan hành chính nhà nước; Phê duyệt lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh;

- Thành lập và kiện toàn Ban chỉ đạo CNTT tỉnh, Ban chỉ đạo CNTT các huyện, thành phố.

## **2. Hạ tầng kỹ thuật.**

- Cơ bản các huyện, thành phố, xã phường, thị trấn đã có cáp quang; Số trạm thu phát sóng (BTS) đạt 930 trạm (600 trạm 2G, 330 trạm 3G); Tỷ lệ xã, phường thị trấn có sóng 3G tại trung tâm đạt 85%; Tỷ lệ phủ sóng điện thoại di động đạt 98%, riêng khu vực trung tâm, tập trung đông dân cư đạt 100%;

- Tỷ lệ máy tính trên cán bộ công chức tiếp tục được nâng lên, tại các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện đạt 92%; Tỷ lệ máy tính kết nối internet đạt 95,8%;

- Hầu hết các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện/thành phố có mạng nội bộ (LAN) hoàn thiện, có thiết bị định tuyến, máy chủ và các phần mềm, phần cứng an toàn thông tin, kết nối vào Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh, hình thành mạng diện rộng (WAN) của tỉnh với quy mô 73 điểm kết nối.

- Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh đã được triển khai, trở thành hạ tầng kỹ thuật CNTT quan trọng, cho phép kết nối, liên kết tích hợp ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Một số ngành, đơn vị đã triển khai và từng bước hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật CNTT, phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của ngành như: Ngành Tài nguyên và Môi trường triển khai hệ thống mạng liên thông phục vụ quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu địa chính giữa Sở Tài nguyên và Môi trường và Văn phòng đăng ký đất đai tại các huyện: Bắc Mê, Quang Bình, Quản Bạ; Ngành Tài chính đã triển khai và duy trì kết nối liên thông hệ thống mạng nội bộ (LAN) của Sở Tài chính với mạng nội bộ (LAN) của Phòng Tài chính Kế hoạch các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh để vận hành hệ thống TABMIS; Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin Quảng bá hình ảnh du lịch con đường Hạnh phúc; Đầu tư hạ tầng kỹ thuật mạng máy tính của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đảm bảo kết nối với hệ thống mạng của Bộ Quốc phòng, Quân khu II và thông suốt tới mạng nội bộ (LAN) của 16 đơn vị trực thuộc; Hệ thống các trường chuyên nghiệp và phổ thông trung học, phổ thông cơ sở đều có kết nối internet băng thông rộng.

### 3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước.

- Triển khai, nâng cấp mở rộng điểm cầu trực tuyến của Tỉnh ủy; HĐND; UBND tỉnh kết nối với Trung ương; tăng cường duy trì vận hành có hiệu quả hệ thống giao ban điện tử đa phương tiện của tỉnh với quy mô 13 điểm cầu gồm: Văn phòng Tỉnh ủy; Văn phòng UBND tỉnh và UBND các huyện, thành phố; hệ thống trực tuyến của ngành Thông tin và Truyền thông duy trì vận hành hiệu quả với quy mô 12 điểm cầu gồm: Sở Thông tin và Truyền thông và phòng Văn hóa Thông tin các huyện, thành phố, phục vụ kịp thời chỉ đạo điều hành của các cấp chính quyền, tiết kiệm thời gian, chi phí, góp phần cải cách hành chính.

- Triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc tới 100% các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh, từng bước thay đổi thói quen làm việc truyền thống từ văn bản giấy sang văn bản điện tử trong nội bộ mỗi cơ quan đơn vị, mang lại hiệu quả thiết thực, giảm chi phí văn bản giấy, tạo tiền đề cho việc hình thành chính quyền điện tử;

- Triển khai và ứng dụng hiệu quả hệ thống thư điện tử công vụ với tên miền truy cập <http://mail.hagiang.gov.vn>, cấp hộp thư điện tử tới hầu hết cán bộ, công chức các cấp trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên cập nhật hồ sơ danh bạ công chức điện tử, cấp mới và cấp bổ sung hộp thư điện tử cho cán bộ công chức các cấp trong tỉnh để trao đổi công việc, gửi/nhận văn bản, tài liệu phục vụ yêu cầu công việc. Tổng số hộp thư điện tử đã cấp trên 9.000 hộp thư điện tử; Tổ chức triển khai hệ thống báo tin nhắn thương hiệu (Brandname) gắn với địa chỉ thư điện tử của các đồng chí lãnh đạo tỉnh trên hệ thống thư điện tử công vụ.

- Triển khai ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong các cơ quan hành chính nhà nước cho các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tại các Sở, ban, ngành, UBND các huyện thành phố, từng bước cấp bổ sung đến cấp xã theo kế hoạch được duyệt.

- Triển khai hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin chuyên ngành như: Ứng dụng GIS quản lý hạ tầng bưu chính, viễn thông trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Phần

mềm Tổng hợp quyết toán ngân sách; Phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp; hệ thống thông tin TABMIS; Phần mềm quản lý y tế xã phường liên thông; Quản lý nhân sự ngành Y tế; Phần mềm quản lý trường học; Quản lý tài sản công; Ứng dụng WebGIS xây dựng cơ sở dữ liệu về môi trường; Xây dựng hệ thống báo cáo nhanh phòng chống lụt bão của tỉnh; Đầu tư thiết bị, phát triển phần mềm cảnh báo cháy rừng; Xây dựng thư viện điện tử phục vụ xây dựng nông thôn mới....

#### **4. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp.**

- Triển khai hoàn thiện Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Trang thông tin điện tử thành phần của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; thông tin chỉ đạo điều hành, công báo, văn bản quy phạm pháp luật, tin tức sự kiện của tỉnh được cập nhật thường xuyên, liên tục lên Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước, đáp ứng nhu cầu thông tin và tra cứu dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp; Triển khai, liên kết thông tin giữa Cổng thông tin điện tử của tỉnh với Cổng thông tin điện tử Chính phủ. Hoàn thành triển khai và cấp tên miền Trang thông tin điện tử thành phần của các cơ quan nhà nước, và liên kết vào Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định tại Nghị định 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ;

- Triển khai hệ thống một cửa điện tử tại 100% các Sở, Ban, Ngành, UBND các huyện thành phố trên địa bàn tỉnh và liên thông, với hệ thống dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 của tỉnh tại địa chỉ <http://dvc.hagiang.gov.vn>; Tổng số thủ tục hành chính được tin học hóa tại bộ phận một cửa điện tử các cơ quan đơn vị là: 798 thủ tục hành chính.

- Ứng dụng CNTT trong ngành giáo dục được quan tâm triển khai đồng bộ, hiệu quả. Trang thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo đi vào hoạt động liên kết, tích hợp thông tin với trên 217 Trang thông tin quản lý giáo dục của 100% các Phòng Giáo dục và Đào tạo, Trường Trung học phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh. 100% các cơ sở giáo dục, trường học sử dụng phần mềm quản lý trường học, quản lý điểm thi, quản lý thi nghề phổ thông. Hệ thống thư điện tử nội bộ ngành giáo dục Hà Giang triển khai tới các cơ sở giáo dục, giáo viên và học sinh cuối cấp (dạng @hagiang.edu.vn). Phần mềm thi đua khen thưởng, Phần mềm thống kê phổ cập giáo dục và chống mù chữ triển khai tới 100% cơ sở giáo dục, phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của ngành giáo dục trên các cấp học, từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới phương thức dạy và học, đổi mới thi cử và đánh giá chất lượng giáo dục.

- Triển khai ứng dụng CNTT, tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực y tế. Một số dịch vụ kỹ thuật cao đã được triển khai áp dụng, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, góp phần tiết kiệm chi phí, hạn chế quá tải tại các bệnh viện.

#### **5. Hiện trạng về nguồn nhân lực ứng dụng CNTT.**

- Thực hiện Nghị quyết số 139/2014/NQ-HĐND ngày 30/9/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang về chính sách đặc thù hỗ trợ công chức, viên chức

chuyên trách CNTT trên địa bàn tỉnh. Đến nay, hầu hết cơ quan, đơn vị đã sắp xếp, bố trí công chức, viên chức chuyên trách CNTT để quản trị, vận hành các hệ thống thông tin; 100% các huyện, thành phố đã thành lập Ban chỉ đạo CNTT, Ban biên tập trang thông tin điện tử và bố trí lãnh đạo phụ trách về công nghệ thông tin;

- Tranh thủ mọi nguồn lực để đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh, đặc biệt thường xuyên tổ chức đào tạo, bồi dưỡng công chức huyện, xã ứng dụng CNTT.

- Công chức, viên chức chuyên trách CNTT trong các cơ quan, đơn vị được đào tạo chuyển giao công nghệ, quản trị, vận hành các hệ thống công nghệ thông tin dùng chung như: Thư điện tử của tỉnh; Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử; quản trị các hệ thống thông tin, Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh, đảm bảo khả năng làm chủ công nghệ, kỹ năng vận hành, khai thác đáp ứng nhu cầu triển khai ứng dụng CNTT của tỉnh;

- Tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn sử dụng chữ ký số cho các Sở, ban, ngành, UBND các huyện thành phố trên địa bàn tỉnh; Tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ cho các học viên là thành viên Ban biên tập và Cộng tác viên Trang thông tin điện tử thành phần của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện thành phố trên địa bàn tỉnh;

- Một số cơ sở giáo dục chuyên nghiệp và giáo dục nghề nghiệp (dạy nghề) đã mở rộng đào tạo ngành CNTT như Trường Cao Đẳng Sư Phạm Hà Giang, Trường Trung cấp nghề; Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật... và một số cơ sở đào tạo kỹ năng cơ bản để sử dụng máy tính, ứng dụng các phần mềm văn phòng và kiến thức cơ bản về CNTT.

## 6. Kinh phí triển khai ứng dụng CNTT giai đoạn 2011-2015.

Kinh phí triển khai các dự án ứng dụng CNTT chính được đầu tư trong các cơ quan nhà nước tỉnh Hà Giang giai đoạn 2011-2015:

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Nguồn vốn
1	Hệ thống thư điện tử	2012	1.447	Ngân sách tỉnh
2	Giao ban điện tử đa phương tiện của tỉnh	2012	5.000	Ngân sách tỉnh
3	Cổng thông tin điện tử tỉnh/Trang TTĐT thành phần	2014-2015	6.100	Ngân sách tỉnh
4	Phần mềm quản lý văn bản	2013-2014	3.400	Sự nghiệp KH

5	Xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh	2013-2014	8.000	Ngân sách tỉnh
6	Xây dựng mạng diện rộng (WAN) của tỉnh kết nối các cơ quan Đảng, Nhà nước cấp tỉnh, huyện	2014	780	Ngân sách tỉnh
7	Hệ thống một cửa điện tử tỉnh Hà Giang	2014-2015	6.600	Ngân sách tỉnh
	Tổng kinh phí		31.327	

## II. MỤC TIÊU ỨNG DỤNG CNTT.

### 1. Mục tiêu tổng quát.

- Cung cấp các dịch vụ công cơ bản trực tuyến mức độ 3 và 4, đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau. Ứng dụng công nghệ thông tin để giảm thời gian, số lần trong một năm người dân, doanh nghiệp phải đến trực tiếp cơ quan nhà nước thực hiện các thủ tục hành chính.

- Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước nhằm tăng tốc độ xử lý công việc, giảm chi phí hoạt động, thúc đẩy cải cách hành chính.

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật, liên kết, tích hợp và kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, tạo nền tảng phát triển Chính quyền điện tử, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

- Tiếp tục nâng chỉ số sẵn sàng ứng dụng CNTT (ICT Index) của tỉnh lên mức khá so với các tỉnh/thành trên toàn quốc.

### 2. Mục tiêu cụ thể.

#### a) Về hạ tầng kỹ thuật.

- Tỷ lệ máy tính trên cán bộ công chức trên địa bàn tỉnh đạt 97% (riêng cấp tỉnh, huyện đạt 100%); Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị CNTT đảm bảo khả năng sẵn sàng đẩy nhanh tiến độ triển khai và đưa vào sử dụng hiệu quả các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh, từng bước xây dựng Chính quyền điện tử.

- 100% các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố; 30% các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh được đầu tư xây dựng, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống mạng nội bộ LAN và kết nối vào mạng diện rộng (WAN) của tỉnh, thông suốt với Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh;

- Triển khai và nhân rộng ít nhất 03 mô hình Chính quyền điện tử cấp huyện;

#### b) Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước.

- 100% văn bản không mật trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND

tính sử dụng dưới dạng điện tử (bao gồm cả các văn bản trình song song cùng văn bản giấy).

- 80% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử (bao gồm cả các văn bản gửi song song cùng văn bản giấy); và 50% văn bản trao đổi giữa các cơ quan hoàn toàn dưới dạng điện tử và có ứng dụng chữ ký số (không gửi văn bản giấy);

- 90% văn bản trao đổi trong nội bộ cơ quan nhà nước được sử dụng hoàn toàn trên môi trường mạng;

c) Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- 100% các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến đạt mức độ 2; 40% dịch vụ công được cung cấp trực tuyến đạt mức độ 3, 4;

- 40% người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- 35% hồ sơ thủ tục hành chính nộp qua mạng.

- 95% thông tin chỉ đạo điều hành, văn bản chỉ đạo điều hành, văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước.

- Triển khai các điểm phủ sóng Wifi tại Trung tâm các huyện và điểm thăm quan du lịch thuộc Công viên địa chất toàn cầu cao nguyên đá Đồng Văn.

### III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH.

#### 1. Hạ tầng kỹ thuật.

- Chỉ đạo và khuyến khích các doanh nghiệp triển khai cáp quang tới 100% các xã, phường, thị trấn. Cung cấp và nâng cao chất lượng đường truyền Internet đến 100% các cơ sở giáo dục có điện lưới quốc gia; tăng tỷ lệ phủ sóng thông tin di động, đặc biệt là sóng di động 3G, 4G trên địa bàn tỉnh; Triển khai có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp, thay thế, đồng bộ máy tính mạng nội bộ (LAN) của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, mở rộng kết nối vào mạng diện rộng (WAN) của tỉnh, đảm bảo hạ tầng triển khai các ứng dụng CNTT của tỉnh.

- Thực hiện quy hoạch, tích hợp các hệ thống hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển Chính quyền điện tử, nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh.

- Hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, trang bị cho Trung tâm CNTT và Truyền thông hệ thống phòng đào tạo hiện đại, nâng cao năng lực nghiên cứu phát triển phần mềm, tư vấn, giám sát và triển khai ứng dụng CNTT của tỉnh. Tăng cường khả năng liên kết với các Vụ, Viện, Đại học trong và ngoài nước đào tạo nhân lực CNTT cho tỉnh.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại tại mỗi ngành, địa phương đảm bảo hạ tầng triển khai đồng bộ ứng dụng CNTT, cung cấp thông tin, dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp, gắn với đẩy mạnh thủ tục hành chính.

## **2. Ứng dụng CNTT trong nội bộ.**

- Triển khai mở rộng phần mềm quản lý văn bản và điều hành tới các cơ quan, đơn vị cấp xã. Triển khai phần mềm quản lý văn bản và điều hành theo hướng tăng cường chức năng chỉ đạo, điều hành, mở rộng kết nối liên thông giữa 03 cấp chính quyền tỉnh Hà Giang.

- Triển khai mở rộng hệ thống giao ban điện tử đa phương tiện đến các xã, phường thị trấn trên địa bàn tỉnh, đảm bảo thông tin chỉ đạo điều hành trực tuyến được thông suốt từ tỉnh đến các huyện, xã.

- Duy trì, vận hành và nâng cấp hệ thống thư điện tử tỉnh Hà Giang đảm bảo tính hiện đại, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu trao đổi thông tin, văn bản điện tử giữa các cơ quan, đơn vị, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai các ứng dụng CNTT chuyên ngành phục vụ quản lý, chỉ đạo, điều hành và cải cách hành chính tại mỗi ngành, địa phương: Xây dựng hệ thống thông tin kinh tế xã hội của tỉnh; Hệ thống quản lý y tế, bệnh viện; Hệ thống quản lý giáo dục trong các cấp học: Mầm non, THCS, THPT, giáo dục thường xuyên, triển khai số liên lạc điện tử, học bạ điện tử, sổ điểm điện tử; Hệ thống quản lý cán bộ công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh; Hệ thống quản lý tài chính – kế toán; Hệ thống quản lý giáo dục nghề nghiệp; Hệ thống sản giao dịch việc làm; Hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý văn hóa;

- Tiếp nhận và triển khai có hiệu quả các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia được triển khai từ Trung ương đến địa phương theo Quyết định 714/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia ưu tiên tạo nền tảng Chính phủ điện tử.

- Triển khai đăng ký, cấp, tập huấn sử dụng chữ ký số chuyên dùng trong các cơ quan hành chính nhà nước, tạo cơ sở pháp lý đẩy mạnh sử dụng văn bản điện tử; Xây dựng triển khai và nhân rộng mô hình cơ quan điện tử, hướng tới chính quyền điện tử;

## **3. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp.**

- Tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp và triển khai có hiệu quả Cổng thông tin điện tử của tỉnh, liên kết tích hợp các Trang thông tin điện tử thành phần của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh để thống nhất điểm truy cập và cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Đầu tư mở rộng phát triển các Trang thông tin điện tử thành phần; Tạo lập các kênh thông tin tiếp nhận ý kiến hỏi - đáp trên môi trường mạng, tổ chức đối



thoại trực tuyến, chuyên mục hỏi - đáp trực tuyến về hoạt động của cơ quan nhà nước để phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Nâng cấp hoàn thiện hệ thống một cửa điện tử liên thông giữa các cấp, các ngành; Ưu tiên triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 cho người dân và doanh nghiệp.

*(Phụ lục I. Danh mục dịch vụ công trực tuyến ưu tiên triển khai tối thiểu mức độ 3 kèm theo)*

- Thí điểm xây dựng tổng đài dịch vụ công nhằm hướng dẫn, giải đáp ý kiến thắc mắc của các tổ chức, người dân khi giao dịch trực tuyến với các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai các điểm phủ sóng Wifi công cộng tại Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn gồm: Thị trấn các huyện Quản Bạ, Yên Minh, Đổng Văn, Mèo Vạc và các điểm du lịch: Khu di tích kiến trúc nghệ thuật Nhà Vua; Cột cờ Lũng Cú.

#### **4. Đảm bảo an toàn thông tin.**

- Triển khai các giải pháp an toàn bảo mật thông tin, tích hợp chữ ký số chuyên dùng vào hệ thống công nghệ thông tin dùng chung của tỉnh như: Cổng/Trang thông tin điện tử; Một cửa điện tử; Thư điện tử; phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc;

- Triển khai giải pháp an toàn bảo mật thông tin đồng bộ trên nền tảng Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh; Xây dựng bảo mật mã xác thực truy nhập bằng OTP (One Time Password) trên hệ thống công nghệ thông tin dùng chung của tỉnh.

#### **5. Nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT.**

- Thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ đặc thù cho công chức, viên chức chuyên trách CNTT theo Nghị quyết số 139/2014/NQ-HĐND ngày 30/9/2014 của HĐND tỉnh Hà Giang nhằm tiếp tục củng cố, kiện toàn, nâng cao trình độ quản trị các hệ thống CNTT cho bộ phận chuyên trách CNTT tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao kỹ năng khai thác, ứng dụng CNTT cho cán bộ công chức cấp huyện, xã phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan hành chính nhà nước.

- Tăng cường năng lực lãnh đạo về CNTT cho các đơn vị, triển khai đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý và điều hành các dự án CNTT; Đào tạo, chuẩn hóa kỹ năng, trình độ công chức viên chức chuyên trách CNTT các cấp trên địa bàn tỉnh;

- Tổ chức đào tạo kiến thức mã nguồn mở cho công chức, viên chức chuyên trách CNTT của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

## **IV. GIẢI PHÁP.**

### **1. Tăng cường năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước.**

Tăng cường tuyên truyền phổ biến đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước về CNTT như Luật Giao dịch điện tử, Luật CNTT; Luật Sở hữu trí tuệ; Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị; Nghị quyết 16-NQ/TU ngày 30/12/2013 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Giang.

Tăng cường đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước; coi việc ứng dụng CNTT là một tiêu chí để bình xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của mỗi cá nhân, đơn vị.

### **2. Giải pháp về tài chính.**

Để đảm bảo nhu cầu vốn đầu tư ứng dụng và phát triển CNTT cần huy động từ nhiều nguồn vốn khác nhau.

#### **a) Ngân sách nhà nước.**

Ưu tiên bố trí ngân sách của tỉnh cho các Chương trình, Kế hoạch, dự án ứng dụng CNTT trọng tâm, trọng điểm để đầu tư trang thiết bị hạ tầng kỹ thuật, phần mềm ứng dụng CNTT và đào tạo nguồn nhân lực CNTT, phục vụ quản lý, chỉ đạo điều hành tại các cơ quan nhà nước.

Ngân sách Trung ương được đầu tư triển khai hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng CNTT thông qua các dự án trọng điểm quốc gia và theo ngành dọc.

Ưu tiên bố trí kinh phí thường xuyên của các cơ quan đơn vị để đầu tư máy tính, nâng cấp mạng nội bộ, triển khai ứng dụng nội bộ tại mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương.

#### **b) Huy động vốn trong dân và các doanh nghiệp.**

Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp, Tập đoàn Viễn thông như: vốn của Ngân hàng thế giới (WORLD BANK), vốn Bill Gate, vốn hỗ trợ thông qua Chương trình hợp tác phát triển CNTT và Truyền thông.... để phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông.

Triển khai chương trình viễn thông công ích để hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư hạ tầng viễn thông vào các xã vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hỗ trợ người dân tiếp cận thông tin.

Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho ứng dụng CNTT để nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

Ưu tiên cho các doanh nghiệp CNTT của tỉnh tham gia vào các dự án ứng dụng CNTT của tỉnh.

### 3. Giải pháp triển khai.

Hoàn thiện thể chế, rà soát các thủ tục hành chính tinh gọn, minh bạch, thống nhất, ổn định, đẩy mạnh ứng dụng CNTT nhằm thực hiện cải cách hành chính, hướng tới xây dựng chính quyền điện tử.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động của Ban chỉ đạo CNTT của tỉnh, Ban chỉ đạo CNTT các huyện/thành phố để thống nhất và phối hợp chặt chẽ trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, dự án về công nghệ thông tin và truyền thông.

Triển khai thí điểm các mô hình ứng dụng CNTT tại mỗi ngành, địa phương, sau đó đánh giá hiệu quả, đúc rút kinh nghiệm và tổ chức nhân rộng tới các cơ quan, đơn vị trên toàn tỉnh.

### 4. Giải pháp môi trường pháp lý.

Ban hành quy định đảm bảo an toàn an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng CNTT của các cơ quan nhà nước; Đưa nội dung đảm bảo an toàn thông tin vào quy chế, quy định quản lý vận hành và sử dụng các hệ thống thông tin.

Ban hành quy định việc ứng dụng chữ ký số, văn bản điện tử gắn với hoạt động cải cách hành chính trong hoạt động các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng và tổ chức triển khai giao dịch điện tử, thương mại điện tử... nhằm giúp các doanh nghiệp, doanh nhân và các thành phần kinh tế khác giới thiệu, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm qua mạng.

## V. LỘ TRÌNH VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN.

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Tên dự án, nhiệm vụ	Phân kỳ đầu tư và lộ trình					Tổng
		2016	2017	2018	2019	2020	
I	Kinh phí thực hiện ứng dụng CNTT	11.768	12.450	10.200	6.800	8.400	49.618
II	Kinh phí phát triển hạ tầng kỹ thuật CNTT	1.000	2.000	3.500	4.000	4.000	14.500
III	Kinh phí phát triển nguồn nhân lực CNTT	1.150	1.250	1.500	1.600	600	6.100
<b>Tổng kinh phí thực hiện</b>		<b>13.918</b>	<b>15.700</b>	<b>15.200</b>	<b>12.400</b>	<b>13.000</b>	<b>70.218</b>

*(Phụ lục II. Chi tiết dự án nhiệm vụ, phân kỳ đầu tư và kinh phí kèm theo)*

## VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

### 1. Sở Thông tin và Truyền thông.

Tăng cường quản lý nhà nước về công nghệ thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh, chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai và theo dõi thực hiện Kế hoạch này; Chịu trách nhiệm cập nhật và điều chỉnh kế hoạch để phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo từng thời kỳ.

Tăng cường hoạt động Ban chỉ đạo CNTT của tỉnh và Ban chỉ đạo CNTT các huyện/thành phố trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Hà Giang.

Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức hướng dẫn các ngành, địa phương xây dựng kế hoạch ứng dụng và phát triển CNTT hàng năm phù hợp với Kế hoạch này.

Theo dõi hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch của các đơn vị trên địa bàn tỉnh.

## **2. Sở Tài chính.**

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí sự nghiệp công nghệ thông tin và cải cách hành chính hàng năm đảm bảo thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này.

## **3. Sở Kế hoạch và Đầu tư.**

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí đầu tư phát triển cho các dự án, chương trình ứng dụng CNTT trọng tâm, trọng điểm nêu tại Kế hoạch này.

## **4. Sở Nội vụ.**

Hàng năm, phối hợp tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng ứng dụng CNTT của cán bộ, công chức, viên chức trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

## **5. Sở Khoa học và Công nghệ.**

Ưu tiên kinh phí triển khai các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực CNTT và truyền thông phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

## **6. Sở Công thương.**

Chủ trì xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh.

## **7. Các Sở, ban ngành và UBND các huyện/thành phố.**

Người đứng đầu cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm trong việc ứng dụng CNTT vào hoạt động của cơ quan mình; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong việc thực hiện Kế hoạch này, đảm bảo đồng bộ với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

Xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm phù hợp với mục tiêu và nội dung của kế hoạch này.


Tổ chức xây dựng và triển khai các dịch vụ công trực tuyến ở mức 3, 4 thuộc phạm vi quản lý của ngành, địa phương mình, thúc đẩy cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

## 8. Các doanh nghiệp viễn thông.

Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực viễn thông trên địa bàn căn cứ vào Kế hoạch này để xây dựng chiến lược phát triển hạ tầng cơ sở phù hợp với định hướng phát triển của ngành và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

9. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể của Kế hoạch, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện/thành phố chủ động phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo Chủ tịch, Trưởng Ban chỉ đạo CNTT tỉnh xem xét, quyết định./.

### Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Cơ yếu Đảng - Chính quyền;
- Các Sở, Ban, Ngành của tỉnh
- UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, CNGTXD. 



**Đàm Văn Bông**

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC NỘI DUNG CÁC DỊCH VỤ CÔNG ĐƯỢC ƯU TIÊN CUNG CẤP TRỰC**  
**TUYÊN TỎI THEO TẾ TỐ TỰNG ĐƠN TẠI CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TỈNH HÀ GIANG**  
*Ban hành kèm theo Kế hoạch số 167/KH-UBND*  
*ngày 20 tháng 10 năm 2015 của UBND tỉnh Hà Giang*



**I. Các Sở, ban, ngành của tỉnh.**

Stt	Tên đơn vị và số lượng thủ tục hành chính ưu tiên mức độ 3
1	Sở Thông tin và Truyền thông (15 TTHC)
2	Sở Y tế (15 TTHC)
3	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch (22 TTHC)
4	Sở Tài nguyên và Môi trường (30 TTHC)
5	Sở Ngoại vụ (03 TTHC)
6	Sở Nội vụ (18 TTHC)
7	Sở Tài chính (10 TTHC)
8	Sở Kế hoạch và Đầu tư (15 TTHC)
9	Sở Công Thương (20 TTHC)
10	Sở Giáo dục và Đào tạo (10 TTHC)
11	Sở Lao động, Thương Binh và Xã hội (10 TTHC)
12	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (10 TTHC)
13	Sở Giao thông và Vận tải (25 TTHC)
14	Thanh tra tỉnh (5 TTHC)
15	Sở Tư pháp (17 TTHC)
16	Ban dân tộc (3 TTHC)
17	Sở Xây dựng (23 TTHC)
18	Sở Khoa học và Công nghệ (12 TTHC)

**II. UBND các huyện/thành phố.**

TT	Nhóm thủ tục hành chính
1	Đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh (06 TTHC)
2	Đăng ký kinh doanh hợp tác xã (8 TTHC)
3	Đăng ký kinh doanh (08 TTHC)

LawSoft \* Tel: +84-8-3930 3279 \* www.ThuVienPhapLuat.vn  
 LawSoft \* Tel: +84-8-3930 3279 \* www.ThuVienPhapLuat.vn

4	Kinh doanh Văn hóa Thông tin (02 TTHC)
5	Liên quan tới lao động, việc làm (04 TTHC)
6	Liên quan đến xây dựng (05 TTHC)
7	Liên quan chứng thực (04 TTHC)
8	Liên quan đến hành chính tư pháp (06 TTHC)
9	Liên quan đến Tài nguyên và Môi trường (12 TTHC)

### III. UBND các xã, phường, thị trấn.

TT	Nhóm thủ tục hành chính
1	Hành chính – Tư pháp (04 TTHC)
2	Tài nguyên – Môi trường (04 TTHC)
3	Lao động, Thương binh và Xã hội (04 TTHC)
4	Y tế (03 TTHC)
5	Nông lâm nghiệp (04 TTHC)


**PHẦN II. CHI TIẾT NHIỆM VỤ DỰ ÁN CNTT, KINH PHÍ VÀ LỘ TRÌNH**

Ban hành theo Kế hoạch số: 167/KH-UBND ngày 26/10/2015 của UBND tỉnh Hà Giang

STT	Tên công trình, dự án CNTT	Phân kỳ đầu tư và lộ trình					Tổng	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
		2016	2017	2018	2019	2020			
I	Kinh phí triển khai trung tâm CNTT	11,768	12,450	10,200	6,800	8,400	49,618		
1	Triển khai phần mềm quản lý văn bản liên thông giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên toàn tỉnh (cả 03 cấp tỉnh, huyện, xã)	2,000	2,000	2,000	0	0	6,000	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, xã phường thị trấn
2	Hệ thống quản lý cán bộ công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh	500	500	0	0	0	1,000	Sở Nội vụ	Sở Thông tin và Truyền thông
3	Hệ thống quản lý y tế, bệnh viện	0	500	500	0	0	1,000	Sở Y tế	Sở Thông tin và Truyền thông
4	Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu, đất đai, môi trường	0	0	500	500	0	1,000	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Thông tin và Truyền thông
5	Hệ thống quản lý giáo dục	0	500	500	0	0	1,000	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Thông tin và Truyền thông
6	Hệ thống thông tin kinh tế xã hội của tỉnh	0	500	500	0	0	1,000	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Thông tin và Truyền thông
7	Mở rộng giao ban trực tuyến đến các xã phường thị trấn, ưu tiên các xã biên giới (Dự kiến 30 điểm cầu)	4,000	4,000	2,000	2,000	3,000	15,000	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND các huyện, thành phố, xã phường thị trấn
8	Xác thực bảo mật an toàn thông tin và tích hợp chữ ký số chuyên dùng vào hệ thống Công/Trang thông tin điện tử; Quản lý văn bản; Thư điện tử của tỉnh	1,000	1,000	1,000	0	0	3,000	Sở Thông tin và Truyền thông	Ban cơ yếu Chính phủ



9	Duy trì, vận hành các hệ thống CNTT hoạt động thường xuyên: thư điện tử; Cổng/Trang thông tin điện tử; Một cửa điện tử; Phần mềm quản lý văn bản...; và hệ thống báo tin nhắn BrandName trên thư điện tử	1,000	1,100	1,200	1,300	1,400	6,000	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành của tỉnh
10	Thí điểm xây dựng tổng đài dịch vụ công trực tuyến của tỉnh	0	0	0	500	500	1,000	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
11	Hệ thống quản lý giáo dục nghề nghiệp	500	0	0	0	0	500	Sở Lao động, thương binh và xã hội	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Lao động, Thương Binh và Xã Hội
12	Hệ thống sàn giao dịch việc làm	0	0	0	500	500	1,000	Sở Lao động, thương binh và xã hội	Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
13	Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý văn hóa	0	0	0	0	500	500	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
14	Triển khai điểm phủ sóng wifi công cộng Cao nguyên đá Đồng Văn	200	300	0	0	0	500	BQL Công viên địa chất toàn cầu cao nguyên đá Đồng Văn	Sở, ban, ngành, UBND các huyện: Quản Bạ, Yên Minh, Đồng Văn, Mèo Vạc
15	Triển khai giải pháp "Đăng ký và quản lý lý lịch tư pháp"	418	0	0	0	0	418	Sở tư pháp	Sở, ban, ngành của tỉnh
16	Phần mềm quản lý hộ tịch 195 xã phường	650	500	1,000	1,000	500	3,650	Sở tư pháp	Sở, ban, ngành của tỉnh

									
	Chức năng, công chứng, chứng thực	500	550	0	0	0	1,050	Sở tư pháp	Sở, ban, ngành của tỉnh
18	Thiết lập, nâng cấp của tỉnh để chuẩn bị hệ mạng tiếp nhận và triển khai hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia theo Quyết định 714/QĐ-TTg	1,000	1,000	1,000	1,000	2,000	6,000	Các ngành theo Quyết định 714	Sở, ban, ngành của tỉnh
<b>II</b>	<b>Kinh phí phát triển hạ tầng kỹ thuật CNTT</b>	<b>1,000</b>	<b>2,000</b>	<b>3,500</b>	<b>4,000</b>	<b>4,000</b>	<b>14,500</b>		
1	Đầu tư thiết bị kết nối, triển khai mở rộng mạng diện rộng WAN đến mạng nội LAN của các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	5,000	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND các huyện, thành phố, xã phường thị trấn
2	Nâng cấp bổ sung hạ tầng trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh	0	0	2,000	3,000	3,000	8,000	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở ban ngành của tỉnh
3	Hiện đại hóa hạ tầng Trung tâm CNTT&TT	0	1,000	500	0	0	1,500	Trung tâm CNTT&TT	Sở ban ngành của tỉnh
<b>III</b>	<b>Kinh phí phát triển nguồn nhân lực CNTT</b>	<b>1,150</b>	<b>1,250</b>	<b>1,500</b>	<b>1,600</b>	<b>600</b>	<b>6,100</b>		
1	Thực hiện chính sách hỗ trợ công chức, viên chức chuyên trách CNTT theo Nghị quyết số 139/2014/NQ-HĐND ngày 30/9/2014	700	800	900	1,000	0	3,400	Sở Tài chính	Sở Thông tin và Truyền thông
2	Đào tạo chuẩn kỹ năng cơ bản, nâng cao về ứng dụng CNTT cho CBCCVC phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan nhà nước theo 03/2014/TT-BTTTT (Mỗi năm 4 lớp)	300	300	300	300	300	1,500	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố

3	Đào tạo quản trị các hệ thống CNTT, chuẩn kỹ năng nhân lực CNTT chuyên nghiệp cho CCVC chuyên trách CNTT theo Thông tư 11/2015/TT-BTTTT (Mỗi năm 2 lớp)	150	150	150	150	150	750	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
4	Đào tạo kiến thức ứng dụng phần mềm mã nguồn mở trong hoạt động cơ quan nhà nước nhằm giảm vi phạm bản quyền	0	0	150	150	150	450	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
<b>Tổng kinh phí thực hiện</b>		<b>13,918</b>	<b>15,700</b>	<b>15,200</b>	<b>12,400</b>	<b>13,000</b>	<b>70,218</b>		